

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2023

Số: 161/KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA
**Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục
nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội**

Thực hiện Quyết định số 270/QĐ-TTr ngày 29/6/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội, từ ngày 13/7/2023 đến ngày 17/7/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội (sau đây gọi là Trường); thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 26/7/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên cơ sở GDNN: Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội

2. Địa chỉ

2.1. Trụ sở chính: thôn Văn Điền, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2.2. Phân hiệu/cơ sở đào tạo/địa điểm đào tạo

Địa điểm đào tạo: số 267 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điền, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2.3. Điện thoại: 02433514682

Email: cdyhanoi1@gmail.com

3. Loại hình cơ sở GDNN: tư thực.

4. Quyết định thành lập

- Quyết định số 998/QĐ-LĐTĐBXH ngày 01/8/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Y Hà Nội I.

- Quyết định số 800/QĐ-LĐTĐBXH ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng Y Hà Nội I thành Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội.

5. Hội đồng trường; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng

5.1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Trường Cao đẳng Y Hà Nội I nhiệm kỳ 2019 - 2024 do Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN thành lập tại Quyết định số 865/QĐ-TCGDNN ngày 30/8/2019.

h

- Hội đồng quản trị Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 do Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN thành lập tại Quyết định số 400/QĐ-TCGDNN ngày 21/9/2021 và Quyết định số 85/QĐ-TCGDNN ngày 11/4/2023.

+ Thành phần Hội đồng quản trị thiếu đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở GDNN có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị (ông Vũ Đức Khôi) đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Hội đồng quản trị họp định kỳ chưa đủ 03 tháng/lần:

+ Năm 2021: họp các ngày 16/4/2021; 22/9/2021 (thiếu quý 1, quý 4).

+ Năm 2022: họp ngày 18/01/2022 (thiếu quý 2, quý 3, quý 4).

+ Năm 2023 (tính đến hết tháng 6/2023): họp ngày 04/3/2023 (thiếu quý 2).

5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động

Hiệu trưởng đã ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Trường theo Quyết định số 01/HĐQT/CĐY ngày 15/10/2019 và Quyết định số 05b/QĐ-CĐYKHN ngày 10/02/2022. Tuy nhiên, Điều 12 Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường quy định thành phần Hội đồng quản trị thiếu đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở GDNN có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.

5.3. Hiệu trưởng

- Trước ngày 29/12/2021, ông Nguyễn Văn Thêm được công nhận Hiệu trưởng theo Quyết định số 1349/QĐ-LĐTĐ ngày 23/9/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ. Trường không cung cấp được văn bản chứng minh Hiệu trưởng đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý GDNN.

- Từ ngày 29/12/2021 đến thời điểm thanh tra, ông Nguyễn Hồng Hải được công nhận Hiệu trưởng theo Quyết định số 1483/QĐ-LĐTĐ ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ. Hiệu trưởng đủ tiêu chuẩn theo quy định, trong đó có giấy chứng nhận bồi dưỡng "Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" (Quyết định số 147/QĐ/TCGDNN ngày 31/3/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN).

6. Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN

Trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN sau:

- Giấy chứng nhận số 96/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 05/10/2021 đăng ký hoạt động GDNN.

- Giấy chứng nhận số 96a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 20/12/2021 đăng ký bổ sung hoạt động GDNN.

- Giấy chứng nhận số 96b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/7/2022 đăng ký bổ sung hoạt động GDNN.

- Giấy chứng nhận số 96c/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 06/01/2023 đăng ký bổ sung hoạt động GDNN.

- Giấy chứng nhận số 96d/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 31/01/2023 đăng ký bổ sung hoạt động GDNN.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động GDNN

1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường

Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường là 40.245 m², bảo đảm diện tích đất sử dụng đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị.

a) *Tại trụ sở chính:* diện tích 34.676 m².

b) *Tại các địa điểm đào tạo:* diện tích 5.569 m².

c) *Liên kết đào tạo:* không.

1.1.2. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình

a) *Tại trụ sở chính:* Trường chưa đầu tư xây dựng các hạng mục công trình.

b) *Tại địa điểm đào tạo:* Trường đã xây dựng các hạng mục công trình với diện tích sử dụng 5.569 m², cụ thể:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: diện tích 1.000 m²; số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa): 18 người; diện tích bình quân là 55,5 m²/người đảm bảo theo quy định.

- Phòng học lý thuyết: 38 phòng với tổng diện tích 1.900 m².

- Phòng học thực hành: 25 phòng với tổng diện tích 2.054 m².

- Thư viện: diện tích 70 m², có 148 loại sách, tài liệu và phần mềm tra cứu phục vụ việc học tập và giảng dạy.

- Khu giáo dục thể chất: diện tích 300 m², đủ công năng sử dụng giảng dạy, học tập môn giáo dục thể chất.

- Ký túc xá sinh viên: học sinh, sinh viên sử dụng ký túc xá Pháp Vân - Tứ Hiệp, khu đô thị Pháp Vân.

- Phòng y tế: diện tích 30 m², số lượng cán bộ: 02 người.

- Các công trình, tiện ích khác: diện tích 215 m² (căng tin, kho, hành lang, công trình vệ sinh).

Tổng diện tích phòng học lý thuyết, phòng thực hành của Trường: 3.954 m². Diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng thực hành dùng cho giảng dạy, học tập là 10,74 m²/chỗ học đảm bảo theo quy định (tại thời điểm thanh tra, Trường đang tổ chức đào tạo cho 736 học sinh, sinh viên).

1.2. Thiết bị đào tạo

- Trường đã mua sắm thiết bị đào tạo, hợp đồng mua bán và hoá đơn lưu trữ đầy đủ (hợp đồng số 241121/2021/HĐMB/BM-CĐYKHN ngày 24/11/2021 và hoá đơn số 0000135 ngày 08/12/2021); hợp đồng số 555/2022/HĐMB/MEDITOP-CĐYKHN ngày 10/9/2022 và hoá đơn số 1687 ngày 21/9/2022); đã mở sổ theo dõi, quản lý tài sản theo quy định.

- Kiểm tra xác suất thiết bị đào tạo ngành dược trình độ cao đẳng, kết quả:

+ Phòng kỹ thuật cơ sở: có 34/34 thiết bị (đạt 100%).

+ Phòng thực hành máy vi tính: có 28/28 thiết bị đào tạo (đạt 100%).

+ Phòng ngoại ngữ: có 41/45 thiết bị (đạt 91,1%); thiếu 04/45 thiết bị (chiếm 8,9%).

+ Phòng thực hành y sinh: có 78/78 thiết bị (đạt 100%).

+ Phòng thực hành hoá - kiểm nghiệm: có 1.135/1.204 thiết bị (đạt 94,2%); thiếu 69/1.204 thiết bị (chiếm 5,8%).

+ Phòng thực hành thực vật - dược liệu - dược học cổ truyền: có 542/570 thiết bị (đạt 95%); thiếu 28/570 thiết bị (chiếm 5%).

+ Phòng thực hành dược lý - dược lâm sàng: có 168/187 thiết bị (đạt 89,8%); thiếu 19/187 thiết bị (chiếm 10,2%).

+ Phòng thực hành bào chế: có 528/546 thiết bị (đạt 96,7%); thiếu 18/546 thiết bị (chiếm 3,3%).

- Phòng thực hành bán thuốc: có 149/149 thiết bị (đạt 100%).

(Chi tiết danh mục thiết bị đào tạo còn thiếu tại phụ lục kèm theo).

1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo

1.3.1. Cán bộ quản lý

Số cán bộ quản lý là 18 người, trong đó: 01 tiến sỹ; 03 thạc sỹ; 14 cử nhân.

1.3.2. Đội ngũ nhà giáo

- Trường có 82 nhà giáo, trong đó: 52 nhà giáo cơ hữu; 30 nhà giáo thỉnh giảng.

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu của 82 nhà giáo, kết quả:

+ Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 82/82 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, thực thành, tích hợp đảm bảo có bằng cử nhân trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

+ Về kỹ năng nghề: 34/34 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về kỹ năng nghề dạy thực hành và tích hợp.

+ Về năng lực nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: 82/82 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề.

+ Trình độ ngoại ngữ: 82/82 nhà giáo đạt tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ.

+ Trình độ tin học: 82/82 nhà giáo đạt tiêu chuẩn về trình độ tin học.

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên: 8,9 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên.

- Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng: có 52 nhà giáo cơ hữu và 30 nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy, đảm bảo giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu là 60% chương trình của ngành, nghề đào tạo.

- Đánh giá, xếp loại nhà giáo: hằng năm, Trường đã thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo vào cuối năm học, ban hành kế hoạch đánh giá, thành lập hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo; kết quả 82/82 nhà giáo đạt chuẩn.

1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo

1.4.1. Về chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

- Trường đã xây dựng, thẩm định, ban hành 09 chương trình đào tạo đối với 08 ngành, nghề trình độ cao đẳng, 01 ngành, nghề trình độ trung cấp. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập tổ soạn thảo, hội đồng thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo. Thành phần hội đồng thẩm định và cấu trúc của chương trình đào tạo theo quy định.

- Trường đã cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo; đã xây dựng và cập nhật 06 môn học chung trong chương trình đào tạo.

b) Chương trình đào tạo liên thông: không phát sinh.

c) Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp

Trường đã xây dựng, thẩm định, ban hành 08 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập tổ soạn thảo, hội đồng thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo. Thành phần hội đồng thẩm định và cấu trúc của chương trình đào tạo theo quy định.

d) Chương trình đào tạo dưới 03 tháng

Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành 03 chương trình đào tạo dưới 03 tháng. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập tổ soạn thảo, hội đồng thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo. Thành phần hội đồng thẩm định và cấu trúc của chương trình đào tạo theo quy định.

1.4.2. Về giáo trình đào tạo

a) Giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; đào tạo liên thông

Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành 30 giáo trình đào tạo. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập tổ biên soạn, hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo, quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo.

b) Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp

Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành 24 giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp.

c) Giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng

Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành 09 giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng.

2. Tình hình triển khai thực hiện các quy định trong hoạt động GDNN

2.1. Công tác tuyển sinh

a) Xây dựng quy chế tuyển sinh

Hiệu trưởng đã ban hành quy chế tuyển sinh theo Quyết định số 02/QĐ-CDYHNI ngày 15/01/2021; Quyết định số 01/QĐTS-CDYKHN ngày 10/01/2022; Quyết định số 13/QĐTS-CDYKHN ngày 01/02/2023; nội dung của quy chế tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

b) Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi (ban chuyên môn)

- Hằng năm, Hiệu trưởng đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

- Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi: không phát sinh, lý do Trường tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

c) Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển

Trường đã ban hành thông báo tuyển sinh, phiếu đăng ký dự tuyển vào GDNN, đăng tải tại trang thông tin điện tử của Trường (<https://cdykhoahn.edu.vn/>).

d) Hình thức tuyển sinh

Trường thực hiện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

Trường đã tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển tại phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển tại trang thông tin điện tử của Trường.

e) Kết quả tuyển sinh

- Trường đã tuyển sinh 1.039 người (trình độ cao đẳng: 314 người; trình độ trung cấp: 320 người; trình độ sơ cấp: 126 người; đào tạo dưới 03 tháng: 279 người), cụ thể:

+ Năm 2021: 331 người (trình độ cao đẳng: 108 người; trình độ trung cấp: 173 người; trình độ sơ cấp: 11 người; đào tạo dưới 03 tháng: 39 người).

+ Năm 2022: 636 người (trình độ cao đẳng: 206 người; trình độ trung cấp: 147 người; trình độ sơ cấp: 77 người; đào tạo dưới 03 tháng: 206 người).

+ Đến tháng 7/2023: 72 người (trình độ sơ cấp: 38 người; đào tạo dưới 03 tháng: 34 người).

- Hiệu trưởng đã ban hành quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển. Tuy nhiên, Trường chưa công bố công khai danh sách thí sinh trúng

tuyên tại trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Hiệu trưởng đã ban hành các quyết định mở 39 lớp, trong đó: năm 2021 mở 13 lớp với 331 người (05 lớp cao đẳng, 06 lớp trung cấp, 01 lớp sơ cấp, 01 lớp đào tạo dưới 03 tháng); năm 2022 mở 24 lớp với 636 người (08 lớp cao đẳng, 05 lớp trung cấp, 03 lớp sơ cấp, 08 lớp đào tạo dưới 03 tháng); tính đến tháng 7/2023: mở 02 lớp với 72 người (01 lớp sơ cấp, 01 lớp đào tạo dưới 03 tháng).

- Kiểm tra xác suất 60 hồ sơ tuyển sinh năm 2022 (20 hồ sơ trình độ cao đẳng ngành điều dưỡng C.Đ3A; 20 hồ sơ trình độ trung cấp ngành y sĩ đa khoa YCD11B; 20 hồ sơ trình độ sơ cấp chăm sóc mẹ và bé MB7A), kết quả: 60/60 hồ sơ có phiếu đăng ký dự tuyển; giấy báo nhập học, bản sao bằng tốt nghiệp/giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời, bản sao học bạ (đối với trình độ cao đẳng), căn cước công dân, giấy khai sinh. Tuy nhiên, không có giấy chứng nhận sức khỏe của học sinh, sinh viên trước khi nhập học.

g) Báo cáo kết quả tuyển sinh

Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh tại phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp (<http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn>); báo cáo Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội (năm 2021: văn bản ngày 10/01/2022; năm 2022: văn bản ngày 17/12/2022).

h) Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh

Hằng năm, Trường đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội theo quy định (năm 2021: văn bản ngày 25/12/2020; năm 2022: văn bản ngày 10/01/2022; năm 2023: văn bản ngày 17/12/2022).

2.2. Công tác đào tạo

a) Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo

- Hiệu trưởng đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy chế đào tạo theo Quyết định số 57/QĐ-CĐYKHN ngày 25/6/2020 và Quyết định số 37/QĐ-CĐYKHN ngày 20/5/2022 về quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; Quyết định số 76/QĐ-CĐYKHN ngày 31/12/2021 về quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên. Quy chế đào tạo đảm bảo các nội dung theo quy định.

- Các nội dung công khai trước khi bắt đầu khóa học: Trường đã công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng; mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; chương trình của từng ngành, nghề đào tạo; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đối với từng ngành, nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp tại trang thông tin điện tử của Trường.

b) Kết quả đào tạo

- Tại địa điểm của cơ sở GDNN:

Trường đã tổ chức đào tạo 90 lớp cho 2.370 học sinh, sinh viên (trình độ cao đẳng: 855 người; trình độ trung cấp: 972 người; trình độ sơ cấp: 225 người; đào tạo dưới 03 tháng: 318 người), cụ thể:

+ Năm 2021: 20 lớp với 491 người (trình độ cao đẳng: 148 người; trình độ trung cấp: 293 người; trình độ sơ cấp: 11 người; đào tạo dưới 03 tháng: 39 người).

+ Năm 2022: 41 lớp với 1.061 người (trình độ cao đẳng: 354 người; trình độ trung cấp: 374 người; trình độ sơ cấp: 88 người; đào tạo dưới 03 tháng: 245 người).

+ Đến tháng 7/2023: 29 lớp với 818 người (trình độ cao đẳng: 353 người; trình độ trung cấp: 305 người; trình độ sơ cấp: 126 người; đào tạo dưới 03 tháng: 34 người).

- Ngoài địa điểm của cơ sở GDNN: không phát sinh.

- Việc bố trí các điều kiện đảm bảo cho các lớp đào tạo: đã tổ chức các lớp học lý thuyết và học thực hành đối với học sinh, sinh viên; bố trí giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành và đồ dùng học tập, cơ sở vật chất về đào tạo lý thuyết, thực hành (chi tiết tại điểm 1 mục II Kết luận thanh tra này).

- Kiểm tra xác suất bố trí lớp học đối với 06 lớp năm học 2022 - 2023 (sổ lên lớp, quyết định cho học sinh, sinh viên thôi học/buộc thôi học), kết quả: 06/06 lớp bảo đảm quy mô lớp học theo quy định (không quá 35 người học/lớp lý thuyết):

+ Lớp cao đẳng điều dưỡng C.Đ3A: số lượng 17 người/lớp.

+ Lớp cao đẳng dược C.D2A: số lượng 20 người/lớp.

+ Lớp cao đẳng dược C.D3A: số lượng 32 người/lớp.

+ Lớp trung cấp y sĩ đa khoa Y12A: số lượng 16 người/lớp.

+ Lớp sơ cấp kỹ thuật răng hàm mặt KTR1A: số lượng 11 người/lớp.

+ Lớp đào tạo dưới 03 tháng chăm sóc mẹ và bé MB5A: số lượng 32 người/lớp.

- Kiểm tra hồ sơ đào tạo trình độ trung cấp ngành y sĩ đa khoa lớp Y12A niên khóa 2021 - 2023, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo niên khóa, kế hoạch đào tạo từng năm học.

+ Đối chiếu sổ lên lớp các kỳ học/năm học, sổ theo dõi học sinh thực tập lâm sàng với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo: đã đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa là 79 tín chỉ, trong đó môn học chung là 12 tín chỉ (255 giờ) và mô đun chuyên ngành là 57 tín chỉ (1.979 giờ).

+ Đã bố trí cho sinh viên thực tập tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông (hợp đồng nguyên tắc số 06/HĐĐT-BV ngày 20/10/2021, phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ-CDYK ngày 15/02/2022 giữa Trường và Bệnh viện Đa khoa Hà Đông); có sổ tay thực tập lâm sàng của học sinh; kết thúc chương trình thực tập có bảng điểm đối với học sinh.

+ Tổ chức lớp học: 01 giáo viên trực tiếp giảng dạy/môn học; quy mô lớp học lý thuyết/Thực hành 20 người/lớp (thời điểm trước ngày 31/5/2022), 16 người/lớp (từ ngày 31/5/2022 đến khi kết thúc khóa học).

+ Lớp Y12A ngành y sĩ đa khoa đã tốt nghiệp theo Quyết định số 38/QĐ-CDYKHN ngày 22/3/2023 của Hiệu trưởng.

- Kiểm tra hồ sơ đào tạo trình độ sơ cấp ngành kỹ thuật răng hàm mặt lớp KTR1A niên khóa 2021 - 2022, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo niên khóa, kế hoạch đào tạo từng năm học.

+ Đối chiếu sổ lên lớp, sổ theo dõi học sinh thực tập lâm sàng với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo: đã đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa là 32 tín chỉ, trong đó lý thuyết 15 tín chỉ (225 giờ) và thực hành 17 tín chỉ (770 giờ).

+ Tổ chức lớp học: có 04 giáo viên trực tiếp giảng dạy; quy mô lớp học lý thuyết/Thực hành 11 người/lớp.

+ Lớp KTR1A ngành kỹ thuật răng hàm mặt đã tốt nghiệp theo Quyết định số 56/QĐ-CDYKHN ngày 08/5/2023 của Hiệu trưởng.

c) Số người buộc thôi học, tự thôi học

Có 82 người bị buộc thôi học, tự thôi học (trình độ cao đẳng: 57 người; trình độ trung cấp: 19 người; trình độ sơ cấp: 06 người), trong đó:

- Năm 2021: 43 người (35 người học cao đẳng; 08 người học trung cấp).

- Năm 2022: 12 người (12 người học cao đẳng; 06 người học trung cấp; 04 người học sơ cấp).

- Đến tháng 7/2023: 17 người (10 người học cao đẳng; 05 người học trung cấp; 02 người học sơ cấp).

d) Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông: không phát sinh.

2.3. Việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề

- Việc triển khai thực hiện (thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, kiểm tra, công tác chấm thi):

+ Hiệu trưởng đã ban hành quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 37/QĐ-CDYKHN ngày 20/5/2022; trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên tại Quyết định số 76/QĐ-CDYKHN ngày 31/12/2021.

+ Hiệu trưởng đã thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, ban thư ký hội đồng thi tốt nghiệp, ban đề thi, ban giám sát, coi thi, ban chấm thi, ban thanh tra.

- Kết quả thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học:

+ Tổng số người học đủ điều kiện dự kiểm tra, thi tốt nghiệp: 471 người (trình độ trung cấp: 182 người; trình độ sơ cấp: 15 người, đào tạo dưới 03 tháng: 274 người).

h

+ Tổng số người học dự kiểm tra, thi tốt nghiệp: 471 người (trình độ trung cấp: 182 người; trình độ sơ cấp: 15 người, đào tạo dưới 03 tháng: 274 người).

+ Tổng số người được công nhận tốt nghiệp 470 người (trình độ trung cấp: 181 người; trình độ sơ cấp: 15 người, đào tạo dưới 03 tháng: 274 người).

2.4. Công tác giáo vụ

2.4.1. Việc quản lý, sử dụng sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo

Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-CĐYKHN ngày 25/7/2022 về biểu mẫu hồ sơ, sổ quản lý đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

- Hồ sơ, sổ dành cho Trường: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh, sinh viên, sổ nhật ký thực tập tại cơ sở thực hành, sổ cấp bằng tốt nghiệp.

- Hồ sơ, sổ dành cho nhà giáo: kế hoạch giảng dạy; giáo án; sổ tay giáo viên.

2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo

- Trường đã in và sử dụng các sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng.

- Kiểm tra xác suất sổ quản lý sinh viên, sổ lên lớp, sổ tay thực tập lâm sàng, sổ cấp văn bằng lớp trình độ trung cấp y sĩ đa khoa Y12A niên khóa 2021 - 2023, kết quả: đã ghi chép đầy đủ các nội dung.

2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ

- Việc thực hiện các quy định về in ấn, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp:

+ Hiệu trưởng đã phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp (Quyết định số 02b/QĐ-CĐYKHN ngày 05/01/2022) và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội (văn bản số 01/CV-CĐYKHN ngày 06/01/2022; văn bản số 06/CV-CĐYKHN ngày 21/02/2023). Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 01/QĐ-CĐYKHN ngày 05/01/2022 về việc quản lý văn bằng, chứng chỉ.

+ Đã cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp: công bố công khai thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường và cung cấp các thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về cấp văn bằng, chứng chỉ giáo GDNN tại trang thông tin tra cứu văn bằng GDNN (<http://vanbang.gdnn.gov.vn>).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ đã in: 1.138 chiếc (văn bằng cao đẳng: 100 chiếc; văn bằng trung cấp: 302 chiếc; chứng chỉ sơ cấp: 236 chiếc; chứng chỉ đào tạo dưới 03 tháng: 500 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ đã sử dụng cấp cho học sinh, sinh viên: 470 chiếc (văn bằng trung cấp: 181 chiếc; chứng chỉ sơ cấp: 15 chiếc; chứng chỉ đào tạo dưới 03 tháng: 274 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ hỏng: 132 chiếc (văn bằng trung cấp: 55 chiếc; chứng chỉ sơ cấp: 32 chiếc; chứng chỉ đào tạo dưới 03 tháng: 45 chiếc). Trường đã thành lập Hội đồng, Ban thư ký hủy phôi bằng, chứng chỉ (Quyết định số 33/QĐ-CĐYKHN ngày 27/02/2023); lập biên bản về việc hủy văn bằng, chứng chỉ (biên bản ngày 02/3/2023); báo cáo Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội (văn bản số 09/CV-CĐYKHN ngày 06/3/2023).

- Tổng số phôi mẫu văn bằng, chứng chỉ đã in gửi báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội: 09 chiếc (văn bằng cao đẳng: 03 chiếc; văn bằng trung cấp: 03 chiếc; chứng chỉ sơ cấp: 03 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ còn lại chưa sử dụng: 527 chiếc (văn bằng cao đẳng: 97 chiếc; văn bằng trung cấp: 63 chiếc; chứng chỉ sơ cấp: 186 chiếc; chứng chỉ đào tạo dưới 03 tháng: 181 chiếc).

- Quản lý việc in, cấp phôi bằng chứng chỉ: đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phôi bằng tốt nghiệp; sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tốt nghiệp; lập hồ sơ quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp; đã cử cán bộ thuộc phòng Đào tạo làm công tác quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp.

3. Chế độ làm việc của nhà giáo

3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu

- Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; đã tổ chức cho đội ngũ nhà giáo nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp và các cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo.

- Hiệu trưởng đã ban hành văn bản quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên ngày 02/11/2016 và Quyết định số 88/QĐ-CĐYKHN ngày 31/12/2021 quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo.

* Nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp (Quyết định số 88/QĐ-CĐYKHN ngày 31/12/2021):

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ.

+ Thời gian nghỉ hằng năm: 08 tuần đối với nhà giáo; 06 tuần đối với người quản lý có tham gia giảng dạy, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ. Tuy nhiên, Trường chưa sửa đổi, bổ sung quy định thời gian nghỉ hằng năm theo quy định (06 tuần đối với nhà giáo; 04 tuần đối với người quản lý có tham gia giảng dạy, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm).

+ Định mức giờ giảng trong năm học: 450 giờ đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng; 510 giờ đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp; đối với nhà giáo tham gia dạy nhiều cấp trình độ khác nhau trong năm học thì được áp dụng định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao nhất.

* Nhà giáo giảng dạy trình độ sơ cấp (Quyết định số 88/QĐ-CĐYKHN ngày 31/12/2021):

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 46 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ.

+ Thời gian nghỉ hằng năm: 06 tuần đối với nhà giáo; 05 tuần đối với người quản lý có tham gia giảng dạy, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ.

+ Định mức giờ giảng trong năm học: 580 giờ; đối với nhà giáo dạy sơ cấp có tham gia dạy nhiều cấp trình độ khác nhau trong năm học thì được áp dụng định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao nhất.

- Kiểm tra xác suất định mức giờ giảng năm học 2022 - 2023 của 05 nhà giáo: (1) bà Đinh Thị Phượng dạy trình độ trung cấp, tổng số giờ giảng 431,5 giờ (thiếu 78,5 giờ so với định mức giờ chuẩn 510 giờ); (2) ông Trần Hồ dạy trình độ trung cấp, tổng số giờ giảng 465 giờ (thiếu 45 giờ so với định mức giờ chuẩn 510 giờ); (3) bà Phạm Thị Vui dạy trình độ cao đẳng, tổng số giờ giảng 320 giờ (thiếu 130 giờ so với định mức giờ chuẩn 450 giờ); (4) ông Trần Văn Thành dạy trình độ cao đẳng, tổng số giờ giảng 108 giờ (thiếu 342 giờ so với định mức giờ chuẩn 450 giờ); (5) bà Lê Hồng Nhung dạy trình độ cao đẳng, tổng số giờ giảng 214 giờ (thiếu 236 giờ so với định mức giờ chuẩn 450 giờ).

3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng

Tại thời điểm thanh tra, Trường đã ký hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng; thời gian làm việc, hạn mức giờ thỉnh giảng đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo số giờ giảng dạy thực tế đã được xây dựng trong kế hoạch đào tạo của Trường, không vượt định mức quy định.

4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu

- Việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: không phát sinh.
- Việc dạy nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện

1.1. Đã thành lập Hội đồng quản trị và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng đương nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định.

1.2. Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường 40.245 m², đảm bảo diện tích đất sử dụng đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị.

1.3. Đã xây dựng các hạng mục công trình diện tích 5.569 m²; diện tích bình quân khu hiệu bộ và khu hành chính là 55,5 m²/người; diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập là 10,74 m²/chỗ học; có thư viện, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và y tế để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên theo quy định.

1.4. Đội ngũ nhà giáo đảm bảo trình độ chuyên môn, kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định.

1.5. Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên là 8,9 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu là 60% chương trình của ngành nghề đào tạo theo quy định.

1.6. Đã thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo, ban hành kế hoạch đánh giá, thành lập hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo theo quy định.

1.7. Đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành 09 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp, 08 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, 03 chương trình đào tạo dưới 03 tháng.

1.8. Đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành 30 giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp, 24 giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp; 09 giáo trình đào tạo dưới 03 tháng.

1.9. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban thanh tra Hội đồng tuyển sinh (trong đó có nhiệm vụ phúc tra) theo quy định.

1.10. Đã tuyển sinh 1.039 người (trình độ cao đẳng: 314 người; trình độ trung cấp: 320 người; trình độ sơ cấp: 126 người; đào tạo dưới 03 tháng: 279 người) theo hình thức xét tuyển; đã thực hiện đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo kết quả tuyển sinh, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh.

1.11. Đã ban hành quy chế đào tạo và công khai các nội dung về đào tạo theo quy định; đã tổ chức đào tạo 90 lớp cho 2.370 học sinh, sinh viên (trình độ cao đẳng: 855 người; trình độ trung cấp: 972 người; trình độ sơ cấp: 225 người; đào tạo dưới 03 tháng: 318 người); hồ sơ đào tạo trình độ trung cấp y sĩ đa khoa lớp Y12A niên khóa 2021- 2023, trình độ sơ cấp kỹ thuật răng hàm mặt lớp KTR1A niên khóa 2021 - 2022 đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa theo chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo.

1.12. Đã ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; đã công nhận tốt nghiệp cho 470 người (trình độ trung cấp: 181 người; trình độ sơ cấp: 15 người, đào tạo dưới 03 tháng: 274 người).

1.13. Đã ban hành quy định về biểu mẫu báo cáo, sổ quản lý về công tác đào tạo; có đầy đủ hồ sơ, sổ dành cho Trường và hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên theo quy định; đã ghi chép đầy đủ sổ quản lý sinh viên, sổ lên lớp, sổ tay thực tập lâm sàng, sổ cấp văn bằng của lớp y sĩ đa khoa Y12A trình độ trung cấp niên khóa 2021 - 2023.

1.14. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hà Nội; đã mở sổ theo dõi, quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp theo quy định.

1.15. Đã ban hành quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo; ký hợp đồng đối với nhà giáo thỉnh giảng.

2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 thiếu đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở GDNN có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Luật GDNN năm 2014.

2.2. Chưa tổ chức họp Hội đồng quản trị đầy đủ định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

2.3. Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường chưa quy định thành phần Hội đồng quản trị gồm đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở GDNN có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Luật GDNN năm 2014.

2.4. Thiếu 138/2.841 thiết bị đào tạo ngành dược trình độ cao đẳng (chiếm 4,85%) theo quy định tại Phụ lục số 36b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

2.5. Chưa thực hiện công bố công khai danh sách thí sinh trúng tuyển tại trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

2.6. Có 60 hồ sơ tuyển sinh năm 2022 được kiểm tra không có giấy chứng nhận sức khỏe trước khi nhập học theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

2.7. Chưa sửa đổi, bổ sung quy định thời gian nghỉ hằng năm tại quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo của Trường theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

2.8. Chưa đảm bảo định mức giờ giảng trong năm học 2022 - 2023 đối với 05 nhà giáo được kiểm tra (bà Đinh Thị Phương, ông Trần Hồ, bà Phạm Thị Vui, ông Trần Văn Thành và bà Lê Hồng Nhung) theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH yêu cầu Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội khắc phục các sai phạm, thiếu sót và thực hiện kiến nghị như sau:

1. Đảm bảo Hội đồng quản trị đầy đủ thành phần theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Luật GDNN năm 2014.

2. Tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH.

3. Sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức, hoạt động của Trường về thành phần tham gia hội đồng quản trị tại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Luật GDNN năm 2014.

4. Bố trí đầy đủ thiết bị đào tạo ngành dược trình độ cao đẳng theo quy định tại Phụ lục số 36b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

5. Thực hiện công bố công khai danh sách thí sinh trúng tuyển tại trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (khi phát sinh).

6. Tổ chức kiểm tra sức khỏe toàn diện cho học sinh, sinh viên trước khi vào học chính thức theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (khi phát sinh).

7. Sửa đổi, bổ sung quy định thời gian nghỉ hằng năm của nhà giáo theo quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

8. Đảm bảo định mức giờ giảng đối với nhà giáo theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

9. Thực hiện niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Trường ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

VI. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần V Kết luận thanh tra này và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị, công khai kết luận thanh tra (kèm theo tài liệu minh chứng) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 15/9/2023./.

Nơi nhận:

- Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.



KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục: Danh mục thiết bị đào tạo ngành dược trình độ cao đẳng còn thiếu

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thiếu
I. Phòng ngoại ngữ			
1.	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2.	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3.	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4.	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
Tổng số		04	
II. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm			
1.	Cân phân tích	Chiếc	2
2.	Máy quang phổ UV - VIS	Bộ	1
3.	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
4.	Máy đo điểm chảy	Chiếc	1
5.	Phân cực kế	Chiếc	1
6.	Máy đo pH	Chiếc	2
7.	Máy chuẩn độ đo thế	Chiếc	1
8.	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
9.	Bộ thiết bị lọc hút chân không đồng bộ (bình hút chân không, máy hút chân không, phễu lọc)	Bộ	1
10.	Thiết bị thử độ hòa tan	Bộ	1
11.	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
12.	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	1
13.	Tủ âm sâu	Chiếc	1
14.	Lò nung	Chiếc	1
15.	Bể rửa siêu âm	Chiếc	1
16.	Máy đo độ cứng của viên	Chiếc	1
17.	Máy đo độ mài mòn của viên	Chiếc	1
18.	Máy lắc tròn	Chiếc	1



19.	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
20.	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
21.	Micropipet	Chiếc	6
22.	Bộ bình lắng gạn 100ml	Chiếc	18
23.	Que cấy platin	cái	2
24.	Que cấy polymer (nhựa)	cái	18
25.	Que chang (tam giác)	cái	2
Tổng số			69
III. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền			
1.	Cân phân tích	Chiếc	1
2.	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
3.	Tủ sấy chân không	Chiếc	1
4.	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
5.	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
6.	Bình cầu có sinh hàn ngược	Chiếc	1
7.	Bộ Soxhlet	Bộ	1
8.	Bộ bình lắng gạn	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Loại 50 ml	Chiếc	6
	Loại 100 ml	Chiếc	6
9.	Bộ dụng cụ cắt tiêu bản cầm tay (trục cắt, dao cắt)	Bộ	6
10.	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	2
Tổng số			28
IV. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng			
1.	Hộp giữ chuột để tiêm	Chiếc	6
2.	Kim đầu tù (cho chuột uống thuốc)	Chiếc	10
3.	Hộp giữ thỏ để tiêm thuốc	Chiếc	3
Tổng số			19
V. Phòng thực hành bào chế			



1.	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
2.	Cân phân tích	Chiếc	1
3.	Máy bao phim	Chiếc	1
4.	Máy đo độ cứng viên nén	Chiếc	1
5.	Máy mở vỏ nang	Chiếc	1
6.	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
7.	Thiết bị thử độ hòa tan	Chiếc	1
8.	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
9.	Máy lọc nén	Chiếc	1
10.	Máy soi độ trong	Chiếc	1
11.	Máy ép nút nhôm	Chiếc	1
12.	Máy cất nước	Chiếc	1
13.	Hệ thống xử lý nước RO	Chiếc	1
14.	Máy đo pH	Chiếc	1
15.	Máy đo hàm ẩm	Chiếc	1
16.	Máy quang phổ UV-VIS	Chiếc	1
17.	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	1
18.	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
Tổng số			18
Tổng số thiết bị thiếu (I, II, III, IV, V)			138

